Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG THCS&THPT QUÀI TỞ
Chương: 422

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 512 /QĐ-THCS&THPTQT ngày 06/10/2026 của Trường THCS&THPT Quài Tở)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện Quý III năm 2026	So sánh	
				Dự toán (tỷ lệ %)	Cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	***Chi sự nghiệp……..***				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	***Chi quản lý hành chính***				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**26,639,983,399**	**5,650,217,825**	**21%**	**101%**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**26,639,983,399**	**5,650,217,825**	**21%**	**101%**
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**26,639,983,399**	**5,650,217,825**	**21%**	**101%**



Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện Quý III năm 2026	So sánh	
				Dự toán (tỷ lệ %)	Cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	288,923,399	246,115,318	85%	0%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	26,351,060,000	5,404,102,507	21%	106%
	Kinh phí chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương, chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý, các khoản chi khác	21,580,000,000	4,974,692,071	23%	100%
	Trong đó: Đã bao gồm kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương	145,200,000		0%	0%
	+Kinh phí tiết kiệm thêm 10% bổ sung nguồn chi an sinh xã hội	145,200,000		0%	0%
	Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	777,230,000	365,834,436	47%	0%
	Cấp bù học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	128,000,000	0	0%	0%
	Hỗ trợ chi phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	1,276,000,000	0	0%	0%
	Hỗ trợ học sinh thôn, xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP	2,082,000,000	0	0%	0%
	Hỗ trợ học sinh ôn thi tốt nghiệp THPT	34,830,000	0	0%	0%
	Hỗ trợ cho người khuyết tật theo TTLT số 42/2013/TTLT	434,000,000	48,576,000	11%	0%
	Gia hạn phần mềm kế toán Misa	10,000,000		0%	0%
	Phần mềm quản lý tài sản	17,000,000	15,000,000	88%	0%
	Phần mềm quản lý cán bộ	12,000,000		0%	0%